

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYỀN MỘC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 02-11-2017

Về việc ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Mai Hương.

2. Bà Nguyễn Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Sương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Đình Rur - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 363/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2017, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 87/2017/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1989. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1985. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/8/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị K trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị K và ông Trần Văn T tự nguyện kết hôn, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Châu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào năm 2008. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, ông T thường xuyên cờ bạc, mắng chửi, gây áp lực với bà K, không quan tâm tới gia đình, vợ con và ông T nhiều lần bỏ nhà đi cả tháng mới về. Từ tháng

9/2017 đến nay, ông T đã về nhà cha, mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan hệ gì về mặt tình cảm lẫn kinh tế. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể sống chung với ông T, nên bà K yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị K và ông Trần Văn T có 02 người con chung tên là Trần Trường G, sinh ngày 27/6/2009 và Trần Thị Y, sinh ngày 30/10/2011. Khi ly hôn bà K yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng mỗi người con 1.500.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên tại phiên tòa bà K rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Bà Nguyễn Thị K và ông Trần Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản khai đề ngày 22/8/2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn là ông Trần Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Ông Trần Văn T thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như bà K trình bày là đúng. Năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà K không trung thực, nhiều lần lừa dối ông T, ông T góp ý nhiều lần nhưng bà K không nghe. Ông T không đồng ý ly hôn và muốn vợ chồng hàn gắn để cùng lo cho con. Việc bà K nói ông T bỏ nhà đi cả tháng là không đúng, do ông T đi làm nghề biển nên hơn 10 ngày mới về.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như bà K trình bày. Nếu ly hôn ông T yêu cầu được nuôi cháu Trần Trường G, còn cháu Trần Thị Y giao cho bà K nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Ông T và bà K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Đối với các đương sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật nên xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị K được ly hôn ông Trần Văn T và giao các cháu Trần Trường G và Trần Thị Y cho bà Nguyễn Thị K trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp:* Bà Nguyễn Thị K yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Văn T, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Xuyên Mộc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về tố tụng*: Ông Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất ngày 19/10/2017 và tại phiên tòa hôm nay ngày 02/11/2017, ông Trần Văn T vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Văn T theo luật định.

[3]. *Về hôn nhân*: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 186, quyển số 01/2008, ngày 10/10/2008 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xác định hôn nhân của bà Nguyễn Thị K và ông Trần Văn T là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không tin tưởng nhau. Hai bên đã sống ly thân không còn quan hệ về tình cảm lẫn kinh tế. Xét thấy hôn nhân của bà Nguyễn Thị K và ông Trần Văn T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận cho bà Nguyễn Thị K ly hôn ông Trần Văn T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4]. *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Nguyễn Thị K và ông Trần Văn T có 02 người con chung tên là Trần Trường G, sinh ngày 27/6/2009 và Trần Thị Y, sinh ngày 30/10/2011. Khi ly hôn bà K yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T yêu cầu được nuôi cháu Trần Trường G, giao cháu Trần Thị Y cho bà K nuôi và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay cháu G và cháu Y đang sống với bà K và cháu G có nguyện vọng ở với bà K khi bà K và ông T ly hôn. Để ổn định về chỗ ở, tránh ảnh hưởng đến tâm sinh lý của các cháu, nên khi giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét nguyện vọng của con đủ 07 tuổi và điều kiện phát triển về mọi mặt của con. Vì vậy, cần giao cháu G và cháu Y cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa bà K rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc rút yêu cầu trên là tự nguyện, căn cứ Điều 235 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà K.

[5]. *Về tài sản và nợ chung*: Bà Nguyễn Thị K và ông Trần Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà Nguyễn Thị K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều

39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị K.

2. *Về hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị K được ly hôn ông Trần Văn T.

3. *Về con chung*: Giao các cháu Trần Trường G, sinh ngày 27/6/2009 và Trần Thị Y, sinh ngày 30/10/2011 cho bà Nguyễn Thị K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

4. *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. *Về nợ chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005400 ngày 14 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Nguyễn Thị K đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

7. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- UBND xã B, huyện Xuyên Mộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Duy